

Bản án số: 66/2023/HSST

Ngày: 26-9-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Tân, ông Vũ Cấp Cao.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/TLST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HS ngày 14/9/2023 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Viết T**, sinh năm 2001 tại tỉnh Đăk Nông; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Bùi Viết B1 (sinh năm 1972) và bà Lưu Thị H3 (sinh năm 1980), cùng trú tại thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2018/HSST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông – Bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 2002 tại tỉnh Đăk Nông; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn M1, sinh năm 1962; con bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1972, cùng trú tại thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông – Bị cáo có mặt.

3. **Trần Xuân H**, sinh năm: 2003, tại tỉnh Đăk Nông; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Xuân Danh, sinh năm 1978; con bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1980, cùng trú tại thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông – Bị cáo có mặt.

4. **Trần H1**, sinh năm: 2002 tại tỉnh Đắk Nông; tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: TDP 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thổ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1971, trú tại TDP 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và bà Thái Thị H7 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân của bị can: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2018/HSST, ngày 22/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Đặng Vũ Đăng K**, sinh ngày: 15/4/2007 tại tỉnh Đắk Nông; tên gọi khác: Beo; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 8/12; con anh Đặng Vũ, sinh năm 1979; con bà Nguyễn Thị Oanh T2, sinh năm 1981, cùng trú tại thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2023 đến nay – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn K – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV V3 – Địa chỉ: Số 111, đường G, thành phố T4, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- **Đại diện của bị cáo Đặng Vũ Đăng K:** Anh Đặng V, sinh năm 1979 và Chị Đặng Thị Thúy V1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông (cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) – Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Huỳnh Văn H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A1, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Anh Trần T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố 07, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Ông Bùi Viết B, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Chị Lưu Thị H3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Oanh T2, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Phạm An K, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn S, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H6, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Anh Đặng Phương N, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H6, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Anh Đặng Hy Hồ Đ1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H8, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

5. Anh Phạm Hồng Phúc Đ, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn H6, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

6. Anh Phạm Hồng P, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn H6, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

7. Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn A1, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

8. Chị Đỗ Thị Minh N1, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn M. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

9. Anh Nguyễn Xuân N1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn H8, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

10. Anh Phạm Hoài T4, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H6, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn H8, xã A. huyện M, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 23/01/2023, Bùi Viết T (sinh năm 2001, trú tại thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông) điều khiển xe mô tô biển số 48E1 - 262.26 (xe mượn của ông Bùi Viết B, sinh năm 1972, trú tại thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông, là bố đẻ của T), Trần Xuân H (sinh năm 2003, trú tại thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông) điều khiển xe mô tô biển số 48E1 - 369.17 (xe mượn của chị Đặng Thị Thuý V1, sinh năm 2002, trú tại thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông, là chị gái của Đặng Hy Hồ Đ1) chở Đặng Hy Hồ Đ1 (sinh năm

2003, trú tại thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông) và Trần H1 (sinh năm 2002, trú tại TDP 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông) điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở Nguyễn Văn Đ (sinh năm 2002, trú tại thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông) đến khu vực cổng chào thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì gặp Phạm Văn B (sinh năm 2003), Đặng Phương N (sinh năm 2002, cùng trú tại thôn H6, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông) và Phạm An K (sinh năm 2002, trú tại thôn S, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông).

Tại khu vực cổng chào thôn H8 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, Trần H1 đi đến dùng tay phải nắm 01 cái trứng vào mặt Phạm An K, còn Đ cầm dùi cui điện (loại 180000W) bật điện phát ra âm thanh phóng điện đe dọa nên K bỏ chạy theo đường liên xã về hướng Trung tâm y tế huyện M, còn N và B bỏ chạy xuống đường bê tông liên thôn từ cổng chào thôn H8 đi vào. Lúc này, H1 lấy cây gậy ba khúc (làm bằng sắt, dài 01m, màu đen) để sẵn trên xe mô tô đuổi theo để đánh K, nhưng không đuổi kịp nên quay lại cùng T, Đ và H chạy đuổi theo để đánh N và B, thấy nhóm của H đuổi đánh N và B thì Đặng Vũ Đăng K (sinh ngày 15/4/2007, trú tại thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông, là bạn của H) cũng chạy đuổi theo để đánh N và B. Trong lúc đuổi đánh N và B thì H1 dùng gậy đánh về phía B nhưng không trúng, Đặng Hy Hồ Đ1 thấy K, N và B là bạn bè quen biết nên chạy theo can ngăn. Lúc này, N và B nhặt 02 gậy gỗ (dài 116cm, đường kính 04cm) quay lại để đánh trả nhóm H1 thì T nhặt 01 viên gạch (loại 04 lỗ ) bên lề đường ném 01 cái trứng vào trán B. Ngay lúc này, H chạy lại dùng tay phải nắm vào vai B một cái, B cầm gậy đánh lại H nhưng không trúng thì T lao tới, ôm vật B xuống lề đường, Đ cầm dùi cui điện dí vào người B nhưng trúng vào lưng T nên Đ dùng tay nắm vào lưng và bụng của B. Thấy B chảy máu nhiều nên T buông B ra thì Đặng Vũ Đăng K chạy đến nhặt viên gạch (Viên gạch T dùng ném B trước đó) ném một cái trứng vào phía sau đầu của B rồi cùng với Trần Xuân H, Bùi Viết T, Trần H1 và Nguyễn Văn Đ bỏ về. Sau đó, B được đưa đi cấp cứu và sau đó chuyển Bệnh Viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh để điều trị.

\* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT.23, ngày 09/3/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Phạm Văn B là 51%.

\* Tại Công văn số 130-GT/TgT.23 ngày 15/8/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh, nội dung:

- Trong quá trình xem xét hồ sơ số 130/TgT.23, Trung tâm pháp y nhận thấy có sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản đề ra Bản kết luận đã đánh nhầm tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 53% thành 51%. Trung tâm pháp y xin đính chính lại “Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Phạm Văn B, sinh năm 2003 là 53%.

- Tỷ lệ 53% thay thế cho tỷ lệ được nêu trong bản kết luận. Các nội dung khác không thay đổi.

- Theo bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT.23 của Phạm Văn B, sinh năm 2003, tỷ lệ từng thương tích như sau:

+ Vết thương vùng trán phải có tỷ lệ 53%.

+ Vết thương phần mềm vùng đỉnh sau trái có tỷ lệ 01%

Cộng các tỷ lệ trên theo Điều 4 Thông tư 22/2019/TT-BYT sẽ là 53,47%, làm tròn là 53%.

\* Tại kết luận giám định số 136/KL-KTHS, ngày 24/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 dùi cui điện bên ngoài có ghi chữ 180000W 928 TYPE và 01 gậy ba khúc dài 01m là công cụ hỗ trợ, không phải là V khí quân dụng hay đồ chơi nguy hiểm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa giữa các bị cáo, đại diện của bị cáo K và người bị hại thỏa thuận các bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại số 120.000.000 đồng, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 24.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 68/CT – VKS(ĐM) ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên Tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố, các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Viết T mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần H1 mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Trần Xuân H và Nguyễn Văn Đ mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Vũ Đăng K mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị:

- Chấp nhận Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định tịch thu đối với 01 dùi cui điện bên ngoài có ghi chữ 180000W 928 TYPE và 01 gậy ba khúc dài 01m là công cụ hỗ trợ.

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 viên gạch bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ và 02 gậy gỗ (dài 116cm, đường kính 04cm) do không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, các điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự, chấp nhận Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 225.000.000 đồng (trong đó: gia đình bị cáo Trần H1 bồi thường 25.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H và Đặng Vũ Đăng K mỗi gia đình bồi thường 50.000.000 đồng). Chấp nhận việc bị hại và các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1, đại diện của bị cáo Đặng Vũ Đăng K (anh Đặng V và Chị Đặng Thị Thúy V1) thoả thuận tiếp tục bồi thường cho người bị hại số 120.000.000 đồng, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát Viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như sau: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/01/2023, tại thôn H8, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông, vì N1 có nhỏ nhất, Bùi Viết T, Trần Xuân H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Vũ Đăng K (mới 15 tuổi 09 tháng 08 ngày) và Trần H1 đã có hành vi dùng gậy ba khúc, dùi cui điện, gạch, là hung khí nguy hiểm đánh anh Phạm Văn B gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 53%.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự Việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra,

phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên Tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định khung hình phạt “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

**Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Dùng ... hung khí nguy hiểm;*

*...*

*i) Có tính chất côn đồ;*

*...*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

*...*

*c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;”*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự bảo vệ. Do vậy cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục răn đe các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức.

Trong vụ án này, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hoá mức độ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, bị cáo T là người gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 53%, bị cáo K gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%. Các bị cáo Đ, H đánh bị hại nhưng không gây thương tích. bị cáo H1 không trực tiếp đánh bị hại nhưng bị cáo là người khởi xướng việc đánh nhau, có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách, giảm nhẹ nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, H1, Đ, H là người có sức khỏe, có đủ khả năng nhận thức được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo K là người chưa đủ 18 tuổi tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo cũng nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản tính nông công, côn đồ nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bản thân bị cáo H1, T đã từng phải chấp hành hình phạt tù về các tội trộm cắp tài sản, tiêu thụ

tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân, cố gắng trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Điều đó cho thấy các bị cáo là người bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. Mặc dù vậy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại đã có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định tịch thu đối với 01 dùi cui điện bên ngoài có ghi chữ 180000W 928 TYPE và 01 gậy ba khúc dài 01m là công cụ hỗ trợ.

Tịch thu, tiêu huỷ 01 viên gạch bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ và 02 gậy gỗ (dài 116cm, đường kính 04cm) do không còn giá trị sử dụng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 225.000.000 đồng (trong đó: gia đình bị cáo Trần H1 bồi thường 25.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, và Đặng Vũ Đăng K mỗi gia đình bồi thường 50.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại và các bị cáo, đại diện của bị cáo K (anh Đặng V và Chị Đặng Thị Thúy V1) thỏa thuận các bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại số 120.000.000 đồng, mỗi bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 24.000.000 đồng; Do bị cáo Đặng Vũ Đăng K không có tài sản nên anh Đặng V và chị Đặng Thị Thúy V1 phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc bồi thường và thỏa thuận bồi thường trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6]. Về các vấn đề khác: Đối với ông Bùi Viết B và chị Đặng Thị Thúy V1, do không biết bị cáo sử dụng xe mô tô của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ của Trần H1 và Nguyễn Văn Đ, Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil về mức hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Đặng



V và chị Đặng Thị Thúy V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

#### **1. Về hình phạt:**

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Viết T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/01/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần H1 05 (Năm) tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Trần Xuân H 04 (Bốn) năm tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/02/2023.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án tù 04 (Bốn) năm tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/01/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Vũ Đăng K 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS, các điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự, chấp nhận việc Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 225.000.000 đồng (trong đó: gia đình bị cáo Trần H1 bồi thường 25.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H và Đặng Vũ Đăng K mỗi gia đình bồi thường 50.000.000 đồng). Chấp nhận việc tại phiên tòa bị hại và các bị cáo, đại diện của bị cáo Đặng Vũ Đăng K (anh Đặng V và chị Đặng Thị Thúy T2) thoả thuận các bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại số 120.000.000 đồng.

Buộc mỗi bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 24.000.000 đồng.

Buộc anh Đặng V và chị Đặng Thị Thúy V1 có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 24.000.000 đồng.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định tịch thu đối với 01 dùi cui điện bên ngoài có ghi chữ 180000W 928 TYPE và 01 gậy ba khúc dài 01m là công cụ hỗ trợ.

Tịch thu, tiêu huỷ 01 viên gạch bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ và 02 gậy gỗ (dài 116cm, đường kính 04cm) do không còn giá trị sử dụng.

*(Đặc điểm vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 29/05/2023 giữa Công an huyện Đắk Mil và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 và Đặng Vũ Đăng K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo Bùi Viết T, Nguyễn Văn Đ, Trần Xuân H, Trần H1 bị cáo phải chịu 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Đặng V và chị Đặng Thị Thúy T2 phải chịu 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thế Thắng**